TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/KDTM-ST
Ngày: 02 - 5 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Duy Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng
Bà Huỳnh Thị Thuận
-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 02-5-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST-KDTM ngày 17/12/2018 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2019, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ: Nam Kỳ khởi nghĩa, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

1.1.*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Đức Thạch A, chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

1.2.*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Thạch A*: Ông Lê Văn B, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A-CN Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

1.3.*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B*; Ông Vũ Khắc C, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch CN Bà Rịa-Vũng Tàu Ngân hàng A. (có mặt)

2.*Bị đơn*:

-Ông Trần Văn Y, sinh năm 1961; (có mặt)

-Bà Nguyễn Thị Hồng Z, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 1, thị trấn A, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1627800538 ngày 05/10/2016. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1627800538 ngày 04/10/2017, giấy nhận nợ số 01 ngày 06/10/2016, giấy nhận nợ số LD 172700584 ngày 05/10/2017 được ký kết giữa ông Y, bà Z và Ngân hàng A chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu-phòng giao dịch Rạch Dừa, thì ông Y và bà Z vay:

Số tiền vay 600.000.000 đồng;

Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 05/10/2017 đến ngày 05/10/2018;

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, đồ vàng mã, đồ sành sứ;

Lãi suất vay: 10,6%/ năm;

Phương Thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, trả gốc vào cuối kỳ.

Tính đến ngày 02/5/2019, ông Y và bà Z còn nợ Ngân hàng A số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và 59.777.128 nợ lãi

Căn cứ hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1708200742 ngày 24/3/2017. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017, giấy nhận nợ số 01 ngày 24/3/2017, giấy nhận nợ số LD 1727800598 ngày 05/10/2017, giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 11/10/2016 và ngày 18/11/2016 được ký kết giữa ông Y, bà Z và Ngân hàng A chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu-phòng giao dịch Rạch Dừa, thì ông Y và bà Z vay:

Số tiền vay 100.000.000 đồng;

Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 05/10/2017 đến ngày 05/10/2018;

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, đồ vàng mã, đồ sành sứ;

Lãi suất vay: 10,6%/ năm;

Phương Thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, trả gốc vào cuối kỳ.

Tính đến ngày 02/5/2019, ông Y và bà Z còn nợ Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng và 9.994.801 nợ lãi.

Vay thẻ tín dụng của ông Trần Văn Y:

Số thẻ: 356480-2235

Nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 02-5-2019 là 4.395.476 đồng.

Vay thẻ tín dụng của Bà Nguyễn Thị Hồng Z:

Số thẻ: 356480-4015

Nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 02-5-2019 là 5.258.812 đồng.

Quá trình vay ông Y đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và 2.175.623 đồng theo thẻ vay.

Tổng nợ gốc, lãi của ông Y và bà Z đến ngày 02-5-2019 là 769.426.216 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất diện tích 169,5m^2 đất ở đo thị và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 84 thị trấn Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy CNQSD đất số AO 166461 ngày 30/10/2009.

Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Nay toàn bộ khoản nợ vay của ông Y và bà Z đã quá hạn theo thỏa thuận nhưng ông Y và bà Z không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng A, vì vậy Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông Y, bà Z phải thanh toán toàn bộ nợ gốc số tiền đồng và nợ lãi cùng nợ thẻ tín dụng cho Sacom bank, bao gồm:

+Số tiền gốc: 690.000.000 đồng;

+Số tiền nợ thẻ tín dụng: 9.654.288 đồng;

+Số tiền lãi trong hạn: 5.895.343 đồng;

+Số tiền lãi quá hạn: 63.539.016 đồng;

+Số tiền phạt chậm trả lãi: 337.570 đồng.

và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Y và bà Z không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất mà ông Y và bà Z đã thế chấp để thu hồi nợ.

-Bị đơn ông Trần Văn Y trình bày:

Ông Y xác nhận các thông tin về thỏa thuận, về hợp đồng tín dụng, khoản vay, số tiền vay, lãi suất vay, tài sản thế chấp và số tiền đã trả, số tiền còn nợ như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông Y cho rằng qúa trình vay vợ chồng ông luôn thanh toán tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng, ông Y rất muốn tiếp tục vay và trả lãi và Ngân hàng cũng tạo điều kiện nhưng do vợ ông là bà Z đi làm xa không về cùng ông làm thủ tục đáo hạn được và hợp đồng tín dụng thời hạn chỉ có 01 năm nên để xảy ra việc quá hạn thanh toán như trên.

-Bị đơn bà Bà Nguyễn Thị Hồng Z dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Z vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) khởi kiện Bà Nguyễn Thị Hồng Z và ông Trần Văn Y về hợp đồng tín dụng. Ông Y và bà Z có địa chỉ cư trú tại huyện Đất Đỏ, theo khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng khởi kiện ông Y và bà Z yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; do nguyên đơn, bị đơn đều có mục đích lợi nhuận nên theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.3] *Về người tham gia tố tụng*:

Tại thời điểm vay vốn bà Z đăng ký thường trú chỉ khu phố 1, thị trấn A, huyện Đất Đỏ; bị đơn ông Y xác nhận hiện nay bà Z còn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng bà Z đã đi làm ăn xa không thực tế sinh sống tại địa chỉ cư trú, bà Z hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông nhưng không cho ông biết địa chỉ chỗ ở hiện nay; theo quy định tại Điều 40 BLDS, điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao có đủ cơ sở xác định bà Z cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Bị đơn bà Z dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Z.

Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông Y và bà Z phải thanh toán khoản nợ vay, do đó HĐXX không đưa những người thân khác của bà Z và ông Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 429 BLDS sự thì "*thời hiệu khởi kiện… tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*", bà Z không thanh toán nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận từ tháng 9/2017 nên Ngân hàng khởi kiện đối với bà Z là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.5] *Về áp dụng pháp luật:* Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng cho bà Z vay tiền từ tháng 10/2016 là thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 đã có hiệu lực nên Hội đồng

xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[1.6] *Về việc không tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ:* Qúa trình tố tụng bị đơn Bà Nguyễn Thị Hồng Z vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp, phiên hòa giải được và không tiến hành thu thập thêm tài liệu chứng cứ khác; HĐXX xét việc VKSND huyện Đất Đỏ không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện*:

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông Y và bà Z phải thanh toán số tiền nợ gốc: 700.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 9.573.903 đồng; nợ thẻ tín dụng: 11.829911 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông Y và bà Z trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 690.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.895.343 đồng, tiền lãi quá hạn: 63.539.016 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 337.570 đồng; tiền nợ thẻ tín dụng: 9.654.288 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ;

Như vậy so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc và tiền nợ thẻ tín dụng thay đổi theo chiều hướng giảm, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng; theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLDS đây không coi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] *Về hợp đồng tín dụng*: Ngày 05/10/2016 và ngày 24/3/2017 ông Y, bà Z và Ngân hàng có ký Hợp đồng tín dụng các số LD 1627800538, số 1708200742 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1627800538, số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017 thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay, hình thức vay, hình thức thanh toán và ngày trả nợ cuối. Như vậy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Y, bà Z với ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 BLDS nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3] *Về hợp đồng thế chấp*: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng số 00518, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2016 do Phòng công chứng Đất Đỏ công chứng, ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 169,5m^2 đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 84 thị trấn Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp

giấy CNQSD đất số AO 166461 ngày 30/10/2009. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản và được đăng ký thế chấp theo quy định Điều 317 và khoản 4 Điều 323 BLDS 2015 nên có hiệu lực thi hành.

[2.4] *Về yêu cầu trả nợ gốc và trả vay thẻ tín dụng*: Ngày 05/10/2016 và ngày 24/3/2017 ông Y, bà Z có ký Hợp đồng tín dụng các số LD 1627800538, số LD 1708200742 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng các số 01/LD 1627800538, số số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017 vay của Ngân hàng số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), đã được Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền vay. Sau khi vay bị đơn trả được nợ lãi đến ngày 08/7/2018 từ ngày 05/10/2018 đến nay bị đơn chỉ thanh toán được 10.000.000 đồng nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và 2.175.623 đồng theo thẻ vay, số nợ gốc còn lại bị đơn không thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo trả nợ nhưng ông Y cho biết bà Z đã bỏ đi không liên lạc được, bản thân ông Y không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng; do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc số tiền 690.000.000 đồng và 9.654.288 đồng nợ thẻ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5] *Về yêu cầu trả nợ lãi:* Sau khi được giải ngân, từ ngày 05/10/2016 đến ngày 08/7/2018 ông Y và bà Z đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng, từ ngày 09/7/2018 đến ngày 02-5-2019 ông Y và bà Z không thanh toán theo cam kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi trong hạn: 5.895.343 đồng, lãi quá hạn: 63.539.106 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 337.570 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Theo điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định "…*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.."

Đối chiếu với bảng kê tính lãi nợ vay (ngày 02-5-2019) theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng phù hợp điểm a khoản 5 Điều 466 BLDS, khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tính đến ngày 02-5-

2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 69.771.929 đồng nên cần được chấp nhận.

[2.5] *Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:* Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng số 00518, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2016 do Phòng công chứng Đất Đỏ công chứng có giá trị pháp lý. Tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z và được đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản vay của ông Y và bà Z tại Ngân hàng. Tại hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận, trong trường hợp ông Y và bà Z không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; nay ông Y và bà Z đã không thanh toán được nợ đúng hạn nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 323 BLDS 2015 nên được chấp nhận.

[2.6] *Về tài liệu, chứng cứ:* Ngân hàng A đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ, gồm bản sao: Điều lệ Ngân hàng, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy ủy quyền số 3846/2017/GUQ-PL ngày 14/12/2017, giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 1038/2018/GUQ-CNBRVT ngày 22/10/2018, Hợp đồng tín dụng số LD 1627800538 ngày 05/10/2016 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1627800538 ngày 04/10/2017, Hợp đồng tín dụng số LD 1708200742 ngày 24/3/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017; CMND, sổ hộ khẩu gia đình của bị đơn.

Ngân hàng đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Y và bà Z mới trả được lãi đến ngày 16/10/2018, từ ngày 17/10/2018 đến nay không thanh toán; quá trình tố tụng ông Y xác nhận dư nợ gốc và nợ lãi như nguyên đơn trình bày; theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS bà Z có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo về quyền lợi của mình; bà Z được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên là từ bỏ quyền tự chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bà Z vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên HĐXX chỉ xem xét theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và lời thừa nhận của đồng bị đơn ông Y để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại các Điều 91, 93, 94, 95, 96 BLTTDS.

Từ các phân tích, nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 280, 466 BLDS, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Y và bà Z phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tính đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 02-5-2019*) là

769.426.216 đồng *(bảy trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm mười sáu đồng)* , gồm: tiền nợ gốc: 690.000.000 đồng, nợ thẻ tín dụng: 9.654.288 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.895.343 đồng lãi quá hạn: 63.539.016 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 337.570 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 03-5-2019), bà Z còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng các số: LD 1627800538 ngày 05/10/2016, số LD 1708200742 ngày 24/3/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng các số 01/LD 1627800538, số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng giữa các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

[3] *Về hiện trang đất và tài sản trên đất:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn ông Y xác định, hiện trạng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 169,5m^2 đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 84 thị trấn Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy CNQSD đất số AO 166461 ngày 30/10/2009 tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp và tại thời điểm xét xử không phát sinh thêm cây trồng hay công trình vật kiến trúc nào khác, đồng thời cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật với cam kết của mình nên HĐXX không tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Y và bà Z phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng và 369.426.216 x 4% = 14.777.0000 đồng (đã làm tròn số). Tổng cộng = 34.777.000đ (*ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*)

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 40, 280, 317, 323, 401, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, điểm e, khoản 1 Điều 192, các Điều 93, 94, 95, 96, 144, 227, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Luật các tổ chức tín dụng 2010; điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

-Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;

-Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A đối với ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z.

Buộc ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng A tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02-5-2019) bao gồm các khoản sau đây:

Tiền nợ gốc: 690.000.000đ (*sáu trăm chín mươi triệu đồng*);

Tiền nợ thẻ tín dụng: 9.654.288đ (*chín triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*);

Tiền lãi trong hạn: 5.895.343đ (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng);

Tiền lãi quá hạn: 63.539.016đ (*sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn không trăm mười sáu đồng*);

Tiền phạt chậm trả lãi: 337.570đ (*ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng*).

Tổng cộng: 769.426.216đ *(bảy trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm mười sáu đồng).*

Trường hợp ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 169,5m^2 đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 84 thị trấn Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 166461 ngày 30/10/2009.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 03/5/2019) cho đến khi thi hành án xong, ông Y và bà Z còn phải tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các số LD 1627800538, số LD 1708200742 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng các số 01/LD 1627800538, số số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các số LD 1627800538, số LD 1708200742 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng các số 01/LD 1627800538, số số 01/LD 1708200742 ngày 04/10/2017 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Ông Trần Văn Y và Bà Nguyễn Thị Hồng Z phải chịu 34.777.000đ (*ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*)

Ngân hàng A không phải chịu án phí; hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.428.000đ (*mười sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số TU/2017/0006051 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Ngân hàng A và ông Trần Văn Y có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02-5-2019); đối với bà Bà Nguyễn Thị Hồng Z không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Duy Đạt